TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Quang.

2. Bà Đào Thụy Phương Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; Nơi cư trú: Ấp GBG, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Phạm Thanh P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; Nơi cư trú: Ấp PHB, xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2023, văn bản ghi ý kiến đề ngày 25 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày:

Năm 1994, chị với anh Phạm Thanh P được gia đình hai bên mai mối, sau thời gian tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân. Sau đó, cả hai cùng nhau về sống chung nhà với gia đình anh P. Hai vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25 tháng 12 năm 2002. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn về chuyện tình cảm giữa hai vợ chồng, sống chung không còn hạnh phúc. Chị trở về nhà cha mẹ ruột tại Ấp Gò Ba Gia, xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh P. Về con chung: Hai vợ chồng sống chung với nhau có 02 con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1995 và Phạm Ngọc T1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2000, các con đã trưởng thành, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Thanh P đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Thanh P; về nuôi con chung: Phạm Thị Bích N, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1995 và Phạm Ngọc T1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2000, các con đã trưởng thành, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Thanh T trình bày không có, còn anh Phạm Thanh P không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Thanh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thanh T và anh Phạm Thanh P là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh T đối với anh Phạm Thanh P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Phạm Thị Thanh T thì cuộc sống của chị và anh Phạm Thanh P không hạnh phúc từ năm 2005 do bất đồng quan điểm về chuyện tình cảm giữa hai vợ chồng, sống chung không còn hạnh phúc, nên chị và anh Thanh P đã không còn sống chung từ năm 2005 cho đến nay mà không hàn gắn tình cảm được. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Thanh T với anh Thanh P hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Thanh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Thanh T ly hôn với anh Thanh P.

[4] Về việc nuôi con: Đối với 02 con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1995 và Phạm Ngọc T1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2000, đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét này và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về chia tài sản: Chị Phạm Thị Thanh T cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Phạm Thanh P không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến..

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thanh T, cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh T và anh Phạm Thanh P.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thanh T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004347 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.PTA, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng